

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng
từ ngày 01/8/2016 đến 31/7/2017**

Thực hiện Văn bản số 1765/TTCP-C.IV ngày 14/7/2017 của Thanh tra Chính phủ về việc báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng phục vụ kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa XIV. UBND tỉnh Lai Châu báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

1. Việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách pháp luật về phòng, chống tham nhũng; công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng

Các cấp, các ngành tiếp tục phổ biến, tuyên truyền Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Sửa đổi, bổ sung và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng; Nghị định số 90/2013/NĐ-CP ngày 08/8/2013 của Chính phủ quy định trách nhiệm giải trình của cơ quan Nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; Thông tư 02/2014/TT-TTCP ngày 29/4/2014 của Thanh tra Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị định số 90/2013/NĐ-CP; Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 12/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo năm 2013-2014. Các văn bản chỉ đạo, kế hoạch của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác phòng, chống tham nhũng¹.

Việc tổ chức tuyên truyền được thực hiện bằng nhiều hình thức như: Biên soạn, phát hành tài liệu, duy trì chuyên trang, chuyên mục trên Báo Lai Châu, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh, duy trì việc tuyên truyền thông qua “Ngày pháp luật”... Trong kỳ báo cáo, các đơn vị trên địa bàn tỉnh đã tổ chức đã thực hiện tuyên truyền 37 lượt với 4.303 lượt người. Tổ chức tập huấn về phòng, chống tham nhũng và công tác minh bạch tài sản

¹ Văn bản chỉ đạo số 761-CV/TU ngày 03/9/2014 của Tỉnh ủy Lai Châu về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về kê khai, kiểm soát việc kê khai tài sản; Kế hoạch số 20-KH/TU ngày 28/01/2016 của Tỉnh ủy Lai Châu về việc thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng; Chỉ thị số 05-CT/TU ngày 30/11/2016 của Tỉnh ủy Lai Châu về việc “Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng”; Kế hoạch số 96-KH/TU ngày 11/5/2017 của Tỉnh ủy Lai Châu về thực hiện Kết luận số 10-KL/TW của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; Kế hoạch số 1346/KH-UBND ngày 21/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Chỉ thị 12/CT-TTg ngày 28/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng; Kế hoạch thực hiện chiến lược quốc gia PCTN đến năm 2020. Kế hoạch 1753/KH-UBND ngày 30/12/2013 V/v đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào các cơ sở giáo dục, đào tạo từ năm học 2013 – 2014 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức được 03 lớp với 450 người² tham gia. Các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh đã thực hiện giảng dạy nội dung phòng, chống tham nhũng cho 332 lớp với 12.019 học sinh, sinh viên, học viên³. Qua công tác quán triệt, tuyên truyền pháp luật về phòng, chống tham nhũng tiếp tục tạo sự chuyển biến về tư tưởng, nâng cao nhận thức pháp luật cho cán bộ và Nhân dân, đề cao trách nhiệm của các cấp chính quyền, các sở, ban, ngành, đoàn thể trong việc hướng dẫn, tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật về phòng chống tham nhũng, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng ngừa tham nhũng.

Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh đã ban hành Báo cáo số 79-BC/BCSD ngày 03/7/2017 về kết quả tự kiểm tra tình hình, kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng và sai phạm, tội phạm kinh tế qua công tác kiểm toán công tác thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo từ ngày 01/01/2011 – 31/3/2017, phục vụ Đoàn kiểm tra số 1 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng tại tỉnh Lai Châu. UBND tỉnh đã ban hành 11 văn bản⁴ liên quan đến công tác phòng, chống tham nhũng và chỉ đạo các cấp các ngành triển khai thực hiện.

2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng

2.1. Thực hiện các quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị

UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tiếp tục thực hiện việc công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, đơn vị gắn với cải cách thủ tục hành chính, tập trung công khai các lĩnh vực như: Dự toán, quyết toán ngân sách; đầu tư xây dựng cơ bản; kế hoạch thanh tra; chỉ tiêu biên chế các cơ quan hành chính và người làm việc trong các cơ quan đơn vị sự nghiệp công lập; kết quả giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo....

² UBND thành phố Lai Châu 01 lớp 78 người, UBND huyện Tam Đường 01 lớp 250 người, UBND huyện Tân Uyên 01 lớp 112 người.

³ Sở Giáo dục và Đào tạo 274 lớp 8.501 học sinh; Trường Cao đẳng Cộng đồng 04 lớp với 77 sinh viên; Trường Trung cấp Y tế 03 lớp với 89 sinh viên; trường Trung cấp Nghề dân tộc nội trú 06 lớp với 106 học sinh, sinh viên; Trường Chính trị tỉnh 10 lớp với 745 học viên; Trung tâm BDCT các huyện: Sìn Hồ 7 lớp với 533 học viên, Tân Uyên 8 lớp với 480 học viên, Phong Thổ 4 lớp với 242 học viên, Than Uyên 2 lớp với 276 học viên, Mường Tè 8 lớp với 578 học viên, Thành phố 01 lớp với 78 học viên, Tam Đường 5 lớp 284 học viên.

⁴ Kế hoạch số 1346/KH-UBND ngày 21/7/2016 thực hiện Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 28/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng; Kế hoạch số 129/KH-UBND, ngày 23/01/2017 về việc thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng năm 2017; Quyết định số 145/QĐ-UBND ngày 27/02/2017 về việc Ban hành chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016 – 2020; Văn bản số 43/UBND-NC ngày 10/01/2017 chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác chuyển đổi vị trí công tác theo Nghị định số 158/NĐ-CP, Nghị định số 150/NĐ-CP; Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 17/01/2017 ban hành kế hoạch hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh năm 2017; Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 công bố công khai quyết toán ngân sách địa phương năm 2015; Quyết định số 41/QĐ-UBND ngày 18/01/2017 v/v công bố công khai số liệu dự toán ngân sách địa phương năm 2017; Quyết định số 1825/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 v/v phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, cán bộ, công chức, viên chức năm 2017; Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND ngày 12/12/2016 ban hành quy định về thực hiện phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2017 – 2020; Quyết định 1667/QĐ-UBND phê duyệt kế hoạch thanh tra năm 2017; Quyết định số 1806/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 phê duyệt kế hoạch cải cách hành chính năm 2017.

Việc công khai được các cơ quan, đơn vị thực hiện bằng nhiều hình thức: Ban hành văn bản thông báo; niêm yết tại nơi làm việc hoặc đưa tin trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh... góp phần nâng cao hiệu quả trong quản lý hành chính nhà nước, thực hiện tốt các quy định về phòng ngừa tham nhũng, đảm bảo thuận lợi cho tổ chức, đơn vị, cá nhân biết và giám sát.

2.2. Việc xây dựng, ban hành và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn

Các cấp, các ngành đã rà soát tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các văn bản về chế độ, định mức tiêu chuẩn ở một số lĩnh vực như: Quy định mức trích từ các khoản thu hồi qua công tác thanh tra đã thực nộp vào ngân sách nhà nước; Mức thu phí, lệ phí và tỷ lệ phần trăm (%) trích để lại cho tổ chức thu phí; dự thảo quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Lai Châu... Phân bổ dự toán thu, chi ngân sách địa phương, kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, sự nghiệp khoa học công nghệ cho các đơn vị dự toán khối Nhà nước tỉnh...

UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong tỉnh thực hiện tốt cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kinh phí và biên chế đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập; tiến hành rà soát, sửa đổi bổ sung, quy định cụ thể, các chế độ định mức, tiêu chuẩn trong quy chế quản lý chi tiêu nội bộ, đảm bảo nguồn kinh phí tiết kiệm, hiệu quả theo quy định.

2.3. Việc cán bộ, công chức, viên chức nộp lại quà tặng

Thực hiện Quyết định số 64/2007/QĐ-TTg, ngày 10/5/2007 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc tặng quà, nhận quà và nộp lại quà tặng. Văn bản số 3424/TTCP-C.IV ngày 27/12/2016 của Thanh tra Chính phủ về việc nắm tình hình và báo cáo việc sử dụng tài sản công, tặng quà và nhận quà tặng không đúng quy định trong dịp tết Đinh Dậu năm 2017. UBND tỉnh đã ban hành Văn bản số 04/UBND-NC ngày 03/01/2017 chỉ đạo các đơn vị rà soát và báo cáo việc sử dụng tài sản công, tặng quà và nhận quà tặng không đúng quy định. Qua tổng hợp báo cáo của các đơn vị, trên địa bàn tỉnh không có trường hợp tặng quà và nhận quà không đúng quy định.

2.4. Việc thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức

Các cấp, các ngành thường xuyên quán triệt tới cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nghiêm túc Quyết định số 03/2007/QĐ-BNV, ngày 26/02/2007 của Bộ Nội vụ ban hành Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức. Việc thực hiện các quy tắc giúp cho cán bộ, công chức, viên chức nâng cao ý thức trách nhiệm, có thái độ xử sự đúng mực trong thi hành nhiệm vụ, công vụ tạo môi trường văn minh, lịch sự trong các cơ quan, đơn vị. Thực hiện tốt Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 27/02/2017 của UBND tỉnh về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan trên địa bàn tỉnh.

Qua tổng hợp báo cáo của các đơn vị chưa có trường hợp vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức, viên chức.

2.5. Việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức nhằm phòng ngừa tham nhũng.

UBND tỉnh chỉ đạo các cấp, ngành tiếp tục rà soát và xây dựng kế hoạch, thực hiện chuyển đổi vị trí công tác theo Văn bản số 43/UBND-NC ngày 10/01/2017 của UBND tỉnh về việc tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác chuyển đổi vị trí công tác theo Nghị định số 158/2007/NĐ-CP, ngày 27/10/2007 và Nghị định số 150/2013/NĐ-CP, ngày 01/11/2013 của Chính phủ. Kết quả trong kỳ báo cáo toàn tỉnh có 11 cơ quan, đơn vị đã thực hiện chuyển đổi vị trí công tác cho 195⁵ công chức, viên chức.

2.6. Thực hiện minh bạch tài sản và thu nhập

UBND tỉnh đã chỉ đạo sát sao công tác kê khai tài sản, thu nhập đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh. Về cơ bản các cấp, các ngành đã bám sát văn bản chỉ đạo hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh và tổ chức kê khai kịp thời, đảm bảo nội dung, trình tự kê khai.

Năm 2016, tỉnh Lai Châu có 67/67 cơ quan, đơn vị tổ chức kê khai tài sản, thu nhập. Kết quả kê khai, 100% các cơ quan, đơn vị đã thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập với tổng số người có nghĩa vụ kê khai là 6.265 người (tăng 119 người so với năm 2015 do bổ nhiệm mới, chuyển đổi vị trí công tác, tuyển dụng công chức cấp xã về chức danh tư pháp hộ tịch, địa chính xã; giảm 155 người do năm 2015 một số cơ quan, đơn vị phê duyệt danh sách người có nghĩa vụ kê khai tài sản đối với người đang lao động hợp đồng, nghỉ hưu, thôi việc). Trong đó, số người thuộc diện Trung ương quản lý là 04 người; số người thuộc diện Tỉnh ủy quản lý 290 người; số người thuộc diện đơn vị quản lý 5.971 người. Các cơ quan, đơn vị đã tiến hành công khai bằng hình thức niêm yết 3.192 bản, công khai bản kê khai tại cuộc họp 3.073 bản. Đến thời điểm báo cáo, tỉnh Lai Châu chưa có trường hợp nào phải tiến hành xác minh tài sản, thu nhập.

2.7. Việc xem xét, xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách

Các cấp, các ngành đã và đang tiếp tục thực hiện nghiêm túc Nghị định số 107/2006/NĐ-CP, ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng. Trong kỳ báo cáo, các cơ quan chức năng đã tiến hành điều tra, truy tố, xét xử 02 vụ án với 04 bị can về hành vi “lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” với số tiền 28.709 triệu đồng, vụ việc đang trong thời gian phúc thẩm do đó chưa xem xét xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

⁵ Sở Công Thương 05; Sở Kế hoạch và Đầu tư 07; Sở Nông nghiệp và PTNT 03; Sở Tài nguyên và Môi trường 19; Sở Khoa học và Công nghệ 02; Sở Giáo dục & Đào tạo 03; Sở Y tế 27; Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch 03; Sở Xây dựng 01; UBND huyện Than Uyên 22; UBND huyện Tân Uyên 103.

2.8. Thực hiện cải cách hành chính

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1430/QĐ-UBND ngày 03/12/2015 phê duyệt kế hoạch cải cách hành chính năm 2016; Quyết định số 1806/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 phê duyệt kế hoạch cải cách hành chính năm 2017, Kế hoạch số 767/KH-UBND ngày 28/4/2017 nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) tỉnh Lai Châu giai đoạn 2017 – 2020. Trên cơ sở Kế hoạch cải cách hành chính đã được UBND tỉnh phê duyệt các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện tốt các lĩnh vực hoạt động của cơ quan, đơn vị như: Cải cách thể chế, cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; cải cách hành chính công;... rà soát sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ những thủ tục không còn phù hợp, ban hành thủ tục mới đáp ứng tình hình thực tiễn. Các thủ tục hành chính liên quan đến giữa người dân và doanh nghiệp các cơ quan đơn vị đều niêm yết công khai tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoặc đăng tải trên trang điện tử và được kết nối với Cổng thông tin điện tử của tỉnh, đảm bảo thuận lợi cho việc tra cứu, thực hiện. Kết quả đánh giá chỉ số cải cách hành chính năm 2016 của UBND tỉnh Lai Châu đạt 67,41 điểm, xếp vị trí thứ 53/63 tỉnh, thành phố (tăng 05 bậc so với năm 2015)

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện Chỉ thị 13/CT-TTg ngày 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong cải cách thủ tục hành chính.

Các cơ quan trên địa bàn tỉnh đã triển khai, áp dụng cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” để giải quyết các công việc liên quan đến các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp. Đến nay toàn tỉnh có 136 đơn vị (cấp sở 20/20 đơn vị, cấp huyện 08/08 đơn vị, cấp xã 108/108 đơn vị) giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Tổng số TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông là 1.331 TTHC (Cấp tỉnh:1224 TTHC, cấp huyện 230 TTHC, cấp xã 135 TTHC).

2.9. Việc tăng cường áp dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, điều hành hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan hành chính nhà nước được quan tâm đầu tư. 100% các sở, ban, ngành của tỉnh được triển khai hệ thống điện tử phục vụ công việc; các cơ quan, đơn vị đã ứng dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành trên môi trường mạng; 100% cơ quan, đơn vị sử dụng mạng LAN trong trao đổi công việc. Việc triển khai áp dụng hệ thống quản lý theo TCVN ISO 901:2008 trên địa bàn tỉnh Lai Châu đã có 152 đơn vị đang áp dụng và duy trì HTQLCL theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2008, bao gồm; Đơn vị cấp tỉnh: 48 đơn vị (24 sở, ngành; 14 chi cục, 10 trung tâm thuộc sở); Đơn vị cấp huyện: 41 đơn vị (08 huyện và thành phố, 33 phòng thuộc chuyên môn thuộc huyện và thành phố); Đơn vị cấp xã (xã, phường, thị trấn): 63 đơn vị.

2.10. Việc đổi mới phương thức thanh toán, trả lương qua tài khoản

Việc thực hiện trả lương qua tài khoản ngân hàng theo Chỉ thị số 20/2007/CT-TTg ngày 24/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ, đến nay 100% các đơn vị trên địa bàn trung tâm huyện, thành phố đã thực hiện chi trả lương và các khoản thanh toán cá nhân qua tài khoản ngân hàng. Chưa thực hiện việc trả lương qua tài khoản tại ngân hàng ở một số xã và các đơn vị đóng trên địa bàn xã, lý do điều kiện đi lại khó khăn, cách xa so với trung tâm nên chưa lắp đặt được hệ thống máy ATM.

2.11. Những vướng mắc, khó khăn, kiến nghị trong thực hiện quy định về tạm đình chỉ, tạm thời chuyển đổi vị trí công tác khác đối với cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến tham nhũng

Các cấp, các ngành luôn chủ động rà soát, nghiêm túc thực hiện quy định về tạm đình chỉ, tạm thời chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến tham nhũng theo Nghị định số 59/2013/NĐ-CP ngày 17/6/2013 của Chính phủ. Trong kỳ báo cáo, trên địa bàn toàn tỉnh chưa có trường hợp nào phải tạm đình chỉ, tạm thời chuyển đổi vị trí công tác khác do có hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến tham nhũng.

2.12. Kết quả thực hiện những vướng mắc, khó khăn, kiến nghị trong thực hiện quy định về trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao

Các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh nghiêm túc triển khai thực hiện Nghị định số 90/2013/NĐ-CP ngày 08/8/2013 của Chính phủ quy định trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Qua tổng hợp báo cáo của các đơn vị, trong kỳ báo cáo không có yêu cầu nào đề nghị các cơ quan nhà nước giải trình về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

3. Kết quả phát hiện và xử lý tham nhũng

3.1. Kết quả công tác thanh tra

Trong kỳ báo cáo, toàn ngành Thanh tra đã triển khai 151 cuộc thanh tra hành chính, chuyên ngành, thanh tra trách nhiệm tại 644 đơn vị (15 cuộc đột xuất, 136 cuộc theo kế hoạch). Qua thanh tra, phát hiện sai phạm và kiến nghị xử lý về kinh tế với tổng số tiền 17.937,53 triệu đồng; kiến nghị thu hồi nộp ngân sách nhà nước 11.857,25 triệu đồng (đã thu hồi 8.199,1 triệu đồng, đạt 69%); khắc phục sửa chữa 1.253,46 triệu đồng; giảm trừ qua thanh toán, quyết toán 4.363,07 triệu đồng; xử phạt vi phạm hành chính 463,40 triệu đồng; tiêu hủy hàng hóa trị giá 0,35 triệu đồng. Trong kỳ báo cáo có 01 cuộc thanh tra do Sở Công Thương thực hiện đã phát hiện có dấu hiệu sai phạm và chuyển hồ sơ vụ việc sang cơ quan điều tra xem xét. Kết quả điều tra cơ quan Cảnh sát điều tra kết luận không phát hiện sự việc phạm tội và ban hành quyết định không khởi tố vụ án hình sự, Sở Công

Thương đã ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính 30 triệu đồng đối với các hành vi vi phạm.

3.2. Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo

Các cấp, các ngành trong tỉnh đã tiếp nhận 1.470 đơn các loại, trong đó: Tố cáo 23 đơn; khiếu nại 10 đơn; kiến nghị phản ánh 1.437 đơn.

Tổng số vụ việc khiếu nại, tố cáo các cơ quan hành chính nhà nước phải giải quyết là 10 vụ, gồm: 06 vụ khiếu nại (01 vụ năm 2016 chuyển sang); 04 vụ tố cáo. Đã giải quyết 09/10 vụ thuộc thẩm quyền, gồm: 06 vụ khiếu nại (01 vụ trong quá trình giải quyết qua vận động, tuyên truyền, giải thích, người khiếu nại tự nguyện rút nội dung khiếu nại. 05 vụ được giải quyết bằng quyết định hành chính, kết quả: 01 vụ khiếu nại đúng, 03 vụ khiếu nại sai, 01 vụ khiếu nại đúng một phần); 03 vụ tố cáo (02 vụ tố cáo sai; 01 vụ người tố cáo rút đơn có căn cứ trong quá trình giải quyết). Còn 01 vụ tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh, Thanh tra tỉnh đang tham mưu xác minh, giải quyết

Đối với đơn tố cáo liên đến hành vi tham nhũng:

Trong kỳ báo cáo, trên địa bàn tỉnh không phát sinh đơn tố cáo liên quan đến hành vi tham nhũng.

3.3. Kết quả điều tra, truy tố, xét xử các vụ tham nhũng

Trong kỳ báo cáo, các cơ quan chức năng đã tiến hành điều tra, truy tố, xét xử 02 vụ án⁶ có liên quan đến hành vi tham nhũng với số tiền 28.709 triệu đồng.

4. Kết quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

Toàn tỉnh đã triển khai 26 cuộc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng tại 36 đơn vị (kỳ trước chuyển sang 04 cuộc tại 04 đơn vị, triển khai trong kỳ 22 cuộc tại 32 đơn vị), đã kết luận 22 cuộc tại 30 đơn vị. Còn 04 cuộc tại 06 đơn vị đang trong quá trình thanh tra. Qua thanh tra, các tổ chức thanh tra đã đánh giá những mặt làm được, những tồn tại hạn chế của đối tượng được thanh tra trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Kiến nghị thu hồi nộp ngân sách nhà nước số tiền 79,149 triệu đồng, kiến nghị khác 8,3 triệu đồng⁷ do thanh toán không đúng chế độ, định mức, tiêu chuẩn.

⁶ Vụ 1: Phạm Duy Khương (Nguyên trưởng Phòng Tài chính kế toán Công ty Cổ phần cao su Lai Châu) và Nguyễn Thị Tám (Nguyên thủ quỹ công ty cổ phần cao su Lai Châu) lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản số tiền 28.660 triệu đồng. Kết án Phạm Duy Khương tù chung thân, Nguyễn Thị Tám 03 năm tù giam.

Vụ 2: Lê Hoài Sơn (Nguyên hiệu trưởng trường tiểu học số 2 xã Tả Ngáo, huyện Sìn Hồ) và Hà Văn Thêm (Nguyên kế toán trưởng tiểu học số 2 xã Tả Ngáo, huyện Sìn Hồ) lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản số tiền 49,2 triệu đồng. Kết án Lê Hoài Sơn 06 năm 03 tháng tù giam; Hà Văn Thêm 03 năm tù giam.

⁷ Thanh tra Tỉnh thanh tra trách nhiệm tại UBND thành phố Lai Châu, kiến nghị thu hồi số tiền 24,433 triệu đồng, Thanh tra huyện Than Uyên thanh tra tại UBND các xã Phúc Than, Ta Gia, kiến nghị thu hồi số tiền 54,716 triệu đồng, kiến nghị khác 8,830 triệu đồng.

5. Phát huy vai trò của xã hội về phòng, chống tham nhũng

UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các cấp, các ngành làm tốt việc phối hợp cung cấp thông tin cho cơ quan báo chí, kịp thời, chính xác về công tác phòng, chống tham nhũng của tỉnh. Báo Lai Châu, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tư pháp, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể... đã tích cực tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác phòng, chống tham nhũng tới các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh, từ đó góp phần quan trọng trong công tác phòng, chống tham nhũng trên địa bàn toàn tỉnh.

6. Thực hiện Chiến lược quốc gia về phòng, chống tham nhũng đến năm 2020

UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trong tỉnh tiến hành tổ chức sơ kết thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 giai đoạn 2 (2012 – 2016) theo Quyết định số 1324/QĐ-UBND ngày 26/10/2012, đã có báo cáo kết quả sơ kết số 197/BC-UBND ngày 17/7/2017 gửi Thanh tra Chính phủ. Ban hành kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia PCTN đến năm 2020 giai đoạn 3 (2017 – 2020).

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THAM NHŨNG, CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG VÀ DỰ BÁO TÌNH HÌNH

1. Đánh giá tình hình tham nhũng

1.1 Đánh giá chung

Công tác phòng, chống tham nhũng luôn được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo thực hiện; công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng, công tác thanh tra, kiểm tra ở các cấp, các ngành tiếp tục được tăng cường chỉ đạo; vai trò trách nhiệm của xã hội trong phát hiện các hành vi tham nhũng luôn được phát huy.

So với thời điểm kỳ báo cáo trước tăng 01 vụ với 03 đối tượng, xét về tính chất, mức độ vi phạm diễn ra phức tạp và tính vi với giá trị tài sản bị các đối tượng chiếm đoạt là 28.709 triệu đồng.

1.2. Nhận định mức độ, tình hình tham nhũng theo các nội dung

Kết quả đánh giá dựa trên các tiêu chí quy định tại Thông tư số 04/TT-TTCTP ngày 18/9/2014 của Thanh tra Chính phủ quy định về nhận định tình hình tham nhũng và đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng, đơn vị nhận định mức độ, tình hình tham nhũng như sau:

- a) Về mức độ phổ biến của hành vi tham nhũng: Ít phổ biến (02 vụ việc)⁸.
- b) Về mức độ thiệt hại kinh tế do tham nhũng: Thiệt hại thấp⁹.

⁸ Căn cứ Điều 7 Thông tư số 04/TT-TTCTP ngày 18/9/2014 của Thanh tra Chính phủ. Trong kỳ báo cáo Lai Châu có 02 vụ án tham nhũng tương đương điểm thành phần 1 = 10 điểm; Điểm thành phần 2 = 10 điểm (không thực hiện điều tra xã hội học, lấy theo điểm thành phần 1); Điểm tổng hợp: $2 \times 10 + 1 \times 10 = 30$ điểm.

c) Về mức độ nghiêm trọng của hành vi tham nhũng: Đặc biệt nghiêm trọng¹⁰.

1.3. Đánh giá công tác PCTN theo Quyết định 1426/QĐ-TTCP ngày 06/6/2016 và văn bản số 1101/TTCP-C.IV ngày 08/5/2017.

Là năm đầu tiên thực hiện bộ chỉ số đánh giá, việc thực hiện đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng theo bộ chỉ số phức tạp, thời gian ngắn liên quan đến nhiều cơ quan, đơn vị, một số tiêu chí đánh giá chưa phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương, việc hướng dẫn, tổng hợp gặp nhiều khó khăn, lúng túng. Việc đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh chủ yếu dựa trên báo cáo của các sở, ban, ngành. Theo Quyết định số 1426/QĐ-TTCP ngày 6/6/2016 của Thanh tra chính phủ, UBND tỉnh Lai Châu tự đánh giá công tác, phòng, chống tham nhũng đạt 91,71 điểm, kết quả kiểm tra của Thanh tra Chính phủ ngày (12/9/2016) đánh giá tỉnh Lai Châu đạt 72,25 điểm, xếp thứ 4/63 tỉnh thành.

Thực hiện Công văn số 1101/TTCP-C.IV ngày 08/5/2017 và công văn số 122/C.IV-PI ngày 08/5/2017 của Thanh tra Chính phủ về thông báo kết quả đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng năm 2016. UBND tỉnh đã tổ chức rút kinh nghiệm công tác chỉ đạo và sự phối kết hợp của các cơ quan, đơn vị trong việc cung cấp số liệu, tài liệu minh chứng. Thực hiện việc đánh giá công tác PCTN theo bộ chỉ số năm 2017 UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 129/KH-UBND, ngày 23/01/2017 về việc thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng năm 2017, Văn bản số 848/UBND-NC ngày 11/5/2017 chỉ đạo các đơn vị triển khai một số nhiệm vụ công tác phòng, chống tham nhũng.

2. Đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng

2.1. Kết quả, hiệu quả trong phòng, chống tham nhũng

Công tác phòng, chống tham nhũng luôn được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm túc các giải pháp phòng ngừa tham nhũng; công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về Phòng, chống tham nhũng thực hiện có hiệu quả, tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân góp phần đấu tranh có hiệu quả với hành vi tham nhũng.

Các văn bản quy định về chế độ định mức, tiêu chuẩn; cải cách hành chính đã được UBND tỉnh tập trung chỉ đạo xây dựng ban hành để các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện đảm bảo công khai, minh bạch đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị địa phương.

⁹ Căn cứ Điều 8 Thông tư số 04/TT-TTCP ngày 18/9/2014 của Thanh tra Chính phủ. Tỷ lệ Giá trị sai phạm/ tổng chi ngân sách nhà nước của tỉnh = 28,709 tỷ đồng /6.113,952 tỷ đồng = 0,45% < 1%. Điểm thành phần 1 = 5 điểm; Điểm thành phần 2 = 5 điểm(không thực hiện điều tra xã hội học, lấy theo điểm thành phần 1); Điểm tổng hợp: 2 x 5 + 1 x 5 = 15 điểm.

¹⁰ Căn cứ Điều 8 Bộ luật Hình sự có 01 trường hợp Tòa án nhân dân xét xử với khung hình phạt tù chung thân tương ứng với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Điểm thành phần 1 = 30 điểm; Điểm thành phần 2 = 30 điểm (không thực hiện điều tra xã hội học, lấy theo điểm thành phần 1); Điểm tổng hợp: 2 x 30 + 1 x 30 = 90 điểm.

Công tác phòng, chống tham nhũng có nhiều tiến bộ, đẩy mạnh thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng ngừa tham nhũng tại cơ quan; việc kê khai tài sản thu nhập, chuyển đổi vị trí công tác, cải cách thủ tục hành chính, việc thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức; chế độ định mức tiêu chuẩn thực hiện theo quy định. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan đến hành vi tham nhũng luôn được quan tâm chỉ đạo sát sao.

2.2. Một số hạn chế, yếu kém

Công tác tự kiểm tra phát hiện tham nhũng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị còn hạn chế, chưa phát hiện hành vi tham nhũng. Việc thực hiện một số giải pháp phòng, ngừa tham nhũng hiệu quả chưa cao.

Một số vụ việc tham nhũng được phát hiện và xử lý chủ yếu thông qua đơn thư tố giác của công dân.

Việc thực hiện chế độ thông tin báo cáo còn có mặt hạn chế, nội dung báo cáo còn chung chung, chưa phản ánh hết tình hình thực tế ở địa phương, đơn vị.

2.3. Nguyên nhân

Chưa có quy định chế tài cụ thể đối với một số giải pháp phòng ngừa tham nhũng.

Chất lượng đội ngũ công chức tham mưu trong công tác phòng, chống tham nhũng nói riêng và công tác thanh tra nói chung có mặt còn hạn chế về kỹ năng, nghiệp vụ chuyên ngành trong việc phát hiện hành vi tham nhũng.

Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng tại một số cơ quan, đơn vị chưa thường xuyên, kịp thời.

3. Dự báo tình hình tham nhũng

3.1. Dự báo tình hình tham nhũng trong thời gian tới

Trong thời gian tới tình hình tham nhũng vẫn tiềm ẩn nhiều nguy cơ phát sinh, có thể xảy ra với tính chất tinh vi và phức tạp ở nhiều lĩnh vực

3.2. Dự báo những lĩnh vực, nhóm hành vi tham nhũng dễ xảy ra nhiều trong thời gian tới cần phải tập trung các giải pháp phòng ngừa và đấu tranh:

Trước tình hình hiện nay việc tăng cường các giải pháp phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng ở mọi lĩnh vực là cấp bách, những lĩnh vực, nhóm hành vi tham nhũng có khả năng dễ xảy ra nhiều trong thời gian tới như: Đầu tư xây dựng cơ bản; mua sắm tài sản công; dịch vụ công; công tác quản lý tài chính ngân sách; công tác luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ, công chức... Từ đó cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra, tự kiểm tra.

III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng gắn với việc thực hiện

Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) về “Một số vấn đề cấp bách trong xây dựng Đảng hiện nay”, Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về “tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; Ngăn chặn đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ và Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Kết luận số 10-KL/TW của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

2. Tiếp tục chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm túc Kế hoạch số 20-KH/TU ngày 28/01/2016 của Tỉnh ủy Lai Châu về việc thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng. Chỉ thị số 05-CT/TU ngày 30/11/2016 của Tỉnh ủy Lai Châu về việc “tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng”; Kế hoạch số 96-KH/TU ngày 11/5/2017 của Tỉnh ủy Lai Châu về thực hiện Kết luận số 10-KL/TW của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí;

3. Tăng cường đôn đốc kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 03/01/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản; Văn bản chỉ đạo số 761-CV/TU ngày 03/9/2014 của Tỉnh ủy Lai Châu về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài sản. Tăng cường kiểm tra đôn đốc, hướng dẫn việc thực hiện các quy định của pháp luật về PCTN.

4. Ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 10-KL/TW ngày 26/12/2016 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3, khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Chỉ đạo thực hiện tốt các biện pháp phòng ngừa tham nhũng; thực hành tiết kiệm chống lãng phí; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thủ trưởng đơn vị trong việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

5. Tiếp tục đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo trong năm học 2017-2018; báo cáo đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng năm 2017 theo Bộ chỉ số đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng của Thanh tra Chính phủ.

6. Chỉ đạo các cấp, các ngành tổ chức thực hiện và hoàn thành kế hoạch thanh tra, kiểm tra đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tập trung giải quyết dứt điểm các vụ việc tố cáo của công dân nhất là đơn tố cáo liên quan đến hành vi tham nhũng. Tăng cường đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

7. Tăng cường sự phối hợp giữa các cấp, các ngành với Mặt trận Tổ quốc, các cơ quan báo chí, các doanh nghiệp trong tỉnh phát huy vai trò trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; phối hợp

với các cơ quan điều tra, khởi tố, xét xử kịp thời ngăn chặn và xử lý các hành vi tham nhũng. Xử lý trách nhiệm người đứng đầu cơ quan để xảy ra tham nhũng.

8. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo về công tác phòng chống, tham nhũng theo quy định.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Đề nghị Thanh tra Chính phủ mở lớp đào tạo, bồi dưỡng cho công chức làm công tác phòng, chống tham nhũng để nâng cao tác nghiệp, kỹ năng trong thực thi nhiệm vụ.

Trên đây là báo cáo đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng thời kỳ từ 01/8/2016 đến 31/7/2017 và phương hướng nhiệm vụ công tác phòng, chống tham nhũng trong thời gian tới; UBND tỉnh Lai Châu báo cáo Thanh tra Chính phủ để tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Thanh tra Chính phủ;
- Cục.IV - Thanh tra Chính phủ;
- TT. Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Thanh tra tỉnh;
- TT. TH-CB (VP UBND tỉnh);
- Lưu: VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Giảng A Tính



KẾT QUẢ CHỦ YẾU VỀ CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG

(Số liệu tính từ ngày 01/8/2016 đến ngày 31/7/2017)

(Kèm theo Báo cáo số: 227 /BC- UBND ngày 11 tháng 8 năm 2017 của UBND tỉnh Lai Châu)

MS	NỘI DUNG	ĐV TÍNH	SỐ LIỆU
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT		
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	11
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	0
	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN		0
3	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người	4303
4	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức	Lớp	37
5	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản	Tài liệu	2
	THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG		0
	<i>Công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (gọi chung là đơn vị)</i>		0
6	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch	CQ, TC, ĐV	36
7	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch hoạt động	CQ, TC, ĐV	0
	<i>Xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn</i>		0
8	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được ban hành mới	Văn bản	5
9	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	Văn bản	0

10	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Cuộc	26
11	Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý	Vụ	3
12	Số người bị phát hiện đã vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Người	0
13	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý kỷ luật	Người	0
14	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý hình sự	Người	0
15	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền).	Triệu đồng	79,149
16	Tổng giá trị vi phạm chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	79,149
17	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	0
18	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (Nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	Triệu đồng	0
	<i>Thực hiện quy tắc ứng xử, chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức</i>		0
19	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức	CQ, TC, ĐV	0
20	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	0
21	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	195
	<i>Thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập</i>		0
22	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	0
23	Số người bị kết luận kê khai không trung thực	Người	0
	<i>Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng</i>		0
24	Số người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	0
25	Số người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng	Người	0
26	Số người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra tham nhũng	Người	0
	<i>Cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý và phương thức thanh toán</i>		0

27	Số cơ quan, tổ chức đã áp dụng ISO trong quản lý hành chính	CQ, TC, ĐV	152
28	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức đã chi trả lương qua tài khoản trên tổng số cơ quan, đơn vị trực thuộc	%	100
	PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHƯNG		0
	<i>Qua việc tự kiểm tra nội bộ</i>		0
29	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Vụ	0
30	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Người	0
	<i>Qua hoạt động thanh tra</i>		0
31	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác thanh tra	Vụ	0
32	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua công tác thanh tra	Người	0
	<i>Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo</i>		0
33	Số đơn tố cáo về tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, tổ chức	Đơn	0
34	Số đơn tố cáo về tham nhũng đã được giải quyết	Đơn	0
35	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	0
36	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	0
	<i>Qua điều tra tội phạm</i>		0
37	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	2
38	Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người	4
	XỬ LÝ CÁC HÀNH VI THAM NHƯNG		0
39	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (<i>địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của toà án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp</i>)	Vụ	2
40	Số đối tượng bị kết án tham nhũng (<i>địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của toà án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp</i>)	Người	4
41	Trong đó: + Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng;	Người	2
42	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng;	Người	1

43	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng;	Người	0
44	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng.	Người	1
45	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	0
46	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	0
47	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ	0
48	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người	0
	Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được.		0
49	+ Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	28.709
50	+ Đất đai	m ²	0
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường		0
51	+ Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	79
52	+ Đất đai	m ²	0
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được		0
53	+ Bằng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
54	+ Đất đai	m ²	0
	Bảo vệ người tố cáo, phát hiện tham nhũng		
55	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã bị trả thù	Người	0
56	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng, trong đó	Người	0
	+ Tặng bằng khen của Thủ tướng Chính phủ		0
	+ Tặng bằng khen của Bộ, ngành, địa phương		0
	+ Tặng giấy khen		0

57	Số người bị tạm đình chỉ công tác, tạm chuyển vị trí công tác khác do vi phạm pháp luật liên quan đến tham nhũng	Người	0
58	Số người bị tạm đình chỉ công tác, tạm chuyển vị trí công tác sau đó được kết luận là có hành vi tham nhũng	Người	0
59	Số đơn yêu cầu cơ quan nhà nước giải trình theo quy định của Nghị định 90/2013/NĐ-CP	Đơn	0
60	Số đơn yêu cầu giải trình đủ điều kiện để cơ quan nhà nước giải trình	Đơn	0
61	Số đơn yêu cầu đã được giải trình	Đơn	0